Người ký: Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh
Cơ quan: Tỉnh Tây Ninh
Thời gian ký: 27.11.2019 16:39:53 +07:00

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2515 /QĐ-UBND	*Tây Ninh, ngày 21 tháng 11 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế phối hợp trong thực hiện các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Tây Ninh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 76/TTr-STTTT ngày 08 tháng 11 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp trong thực hiện các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Tây Ninh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC- VPCP;
- TT: TU, HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP, HCC;
- Lưu: VT, VP Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh.

(Tuấn) 20

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Ngọc



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Phối hợp trong thực hiện TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Thông tin và Truyền thông

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2515 /QĐ-UBND ngày 21 /11/2019 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về nguyên tắc, trách nhiệm phối hợp, trình tự và thời gian giải quyết thủ tục hành chính giữa Sở Thông tin và Truyền thông, Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh và các sở, ngành, UBND huyện, thành phố có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh.
2. Sở Thông tin và Truyền thông.
3. Các sở, ngành, UBND huyện, thành phố có liên quan.
4. Tổ chức, cá nhân có yêu cầu thực hiện thủ tục hành chính.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị trực tiếp chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện và chịu trách nhiệm về tình hình, kết quả giải quyết các thủ tục hành chính thuộc phạm vi phụ trách.

2. Phối hợp giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa liên thông; đảm bảo sự khách quan, công khai, minh bạch, đúng pháp luật và đúng thời hạn trong thực hiện quy trình giải quyết thủ tục hành chính với cá nhân, tổ chức.

3. Việc phối hợp được thực hiện trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị và các quy định pháp luật có liên quan, không làm ảnh hưởng đến hoạt động riêng của từng cơ quan, đơn vị; đảm bảo có sự phối hợp kịp thời, chặt chẽ, thống nhất trong suốt quá trình giải quyết thủ tục hành chính từ lúc tiếp nhận, giải quyết đến trả kết quả giải quyết.

Điều 4. Nội dung phối hợp

1. Sở Thông tin và Truyền thông, Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh và các sở, ngành, UBND huyện, thành phố liên quan có trách nhiệm giải quyết thủ tục hành chính theo thời gian đã phân định tại phụ lục kèm theo Quyết định này.

2. Nội dung, quy trình giải quyết cụ thể của từng thủ tục hành chính thực hiện liên thông được thực hiện theo Quyết định hiện hành của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố nội dung, quy trình thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Thông tin và Truyền thông tỉnh Tây Ninh.

Chương II

THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP TRONG GIẢI QUYẾT CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Điều 5. Thời gian thực hiện thủ tục hành chính

1. Thời gian thực hiện thủ tục hành chính tại Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan, đơn vị bao gồm thời gian giải quyết hồ sơ và thời gian luân chuyển hồ sơ. Tổng thời gian thực hiện tại Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan, đơn vị không được vượt quá thời gian giải quyết quy định cho thủ tục hành chính đó. Khuyến khích các cơ quan, đơn vị đơn giản hóa quy trình, áp dụng các giải pháp để rút ngắn thời gian giải quyết.

2. Thời gian giải quyết của từng thủ tục hành chính và thời gian thực hiện tại từng cơ quan, đơn vị có liên quan được quy định tại Phụ lục ban hành kèm Quy chế này.

Điều 6. Trách nhiệm phối hợp trong giải quyết thủ tục hành chính

1. Trách nhiệm của Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh

a) Lãnh đạo, chỉ đạo Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định tại Quy chế phối hợp liên ngành số 5970/QC-LN ngày 30/10/2018 về phối hợp giữa Trung tâm Hành chính công tỉnh trực thuộc Văn phòng UBND tỉnh với các sở, ngành, đơn vị có liên quan trong việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức.

b) Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ đề nghị giải quyết thủ tục hành chính do Sở Thông tin và Truyền thông trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Trường hợp hồ sơ thủ tục hành chính do Sở Thông tin và Truyền thông chuyển đến không đảm bảo đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định, Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh kịp thời chuyển trả cho Sở Thông tin và Truyền thông để bổ sung theo quy định.

c) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền; chuyển kết quả giải quyết thủ tục hành chính đến Sở Thông tin và Truyền thông theo đúng thời hạn quy định.

d) Thực hiện Thư xin lỗi trong trường hợp Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh trễ hạn trong việc phối hợp trình hồ sơ và chuyển kết quả giải quyết thủ tục hành chính dẫn đến việc trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trễ hạn trong việc quyết định, cho ý kiến về thủ tục hành chính của cá nhân, tổ chức.

đ) Phối hợp với cơ quan chủ trì trình giải quyết, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc (nếu có), đảm bảo hồ sơ được trả đúng hạn, không gây phiền hà, khó khăn cho cơ quan, tổ chức trong giải quyết thủ tục hành chính.

2. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Là cơ quan chủ trì đầu mối tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ trong quy trình một cửa liên thông giải quyết thủ tục hành chính; kiểm soát toàn bộ quy trình, tiến độ giải quyết thủ tục hành chính; chủ động và kịp thời đôn đốc các cơ quan phối hợp thực hiện đúng quy trình giải quyết thủ tục hành chính đã được UBND tỉnh phê duyệt.

b) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính để xem xét, quyết định theo thẩm quyền (gửi thông qua Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh), đảm bảo đầy đủ hồ sơ, thời hạn theo quy định. Tờ trình phải thể hiện rõ ràng, cụ thể nội dung đề xuất, cơ sở giải quyết; đối với hồ sơ phải phối hợp lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị có liên quan trong quá trình xem xét thẩm tra, thẩm định hồ sơ thì Tờ trình phải trình bày đầy đủ, rõ ràng ý kiến của các cơ quan, đơn vị có liên quan.

c) Thực hiện Thư xin lỗi trong trường hợp để trễ hạn trong việc giải quyết thủ tục hành chính so với quy trình giải quyết thủ tục hành chính đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

d) Chủ động, thường xuyên rà soát, cập nhật các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết, có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để kịp thời đề xuất sửa đổi, bổ sung danh mục thủ tục hành chính tại Phụ lục để phù hợp quy định pháp luật.

3. Các sở, ngành, UBND huyện, thành phố có liên quan

a) Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông giải quyết các thủ tục hành chính theo đúng thời gian được phân định tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

b) Thực hiện Thư xin lỗi trong trường hợp để trễ hạn trong việc giải quyết thủ tục hành chính dẫn đến việc cơ quan chủ trì trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính bị trễ hạn.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quy trình phối hợp giải quyết các thủ tục hành chính

Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai ứng dụng công nghệ thông tin thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

Điều 8. Khen thưởng, kỷ luật

Kết quả thực hiện Quy chế này là một trong những tiêu chí đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ được Chủ tịch, UBND tỉnh giao có liên quan đến công tác cải cách hành chính của các cơ quan.

Điều 9. Điều khoản thi hành

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện Quy chế, nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có văn bản kiến nghị gửi về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Ngọc

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN PHỐI HỢP GIỮA SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG VỚI VĂN PHÒNG ĐOÀN ĐBQH, HĐND VÀ UBND TỈNH

(Kèm theo Quyết định số 2515 /QĐ-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh)

STT	Tên thủ tục hành chính Mã số	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Thời gian giải quyết tại Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND tỉnh (bao gồm cả thời gian tiếp nhận và trả kết quả của Trung tâm hành chính công)	Thời gian giải quyết tại Sở Thông tin và Truyền thông	Thời gian giải quyết tại các cơ quan, đơn vị có liên quan	Căn cứ pháp lý
1	Cấp giấy phép bưu chính (BTT-TNI-284213)	Bưu chính	07 ngày	01 ngày	06 ngày		- Luật Bưu chính số 49/2010/QH12 ngày 17/6/2010; - Nghị định số 47/2011/NĐ-CP ngày 17/6/2011 hướng dẫn một số nội dung của Luật Bưu chính; - Thông tư 291/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động Bưu chính.
2	Sửa đổi, bổ sung giấy phép bưu chính (BTT-TNI-284212)	Bưu chính	05 ngày	01 ngày	04 ngày		- Luật Bưu chính số 49/2010/QH12 ngày 17/6/2010; - Nghị định số 47/2011/NĐ-CP ngày 17/6/2011 hướng dẫn một số nội dung của Luật Bưu chính; - Thông tư 291/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động Bưu chính.
3	Cấp lại giấy phép bưu chính khi hết hạn (BTT-TNI-284214)	Bưu chính	05 ngày	01 ngày	04 ngày		- Luật Bưu chính số 49/2010/QH12 ngày 17/6/2010; - Nghị định số 47/2011/NĐ-CP ngày 17/6/2011 hướng dẫn một số nội dung của Luật Bưu chính; - Thông tư 291/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động Bưu chính.
4	Cấp lại giấy phép bưu	Bưu	05 ngày	01 ngày	04 ngày		- Luật Bưu chính số 49/2010/QH12 ngày 17/6/2010;

STT	Tên thủ tục hành chính Mã số	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Thời gian giải quyết tại Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND tỉnh (bao gồm cả thời gian tiếp nhận và trả kết quả của Trung tâm hành chính công)	Thời gian giải quyết tại Sở Thông tin và Truyền thông	Thời gian giải quyết tại các cơ quan, đơn vị có liên quan	Căn cứ pháp lý
	chính bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được (BTT-TNI-284215)	chính					- Nghị định số 47/2011/NĐ-CP ngày 17/6/2011 hướng dẫn một số nội dung của Luật Bưu chính; - Thông tư 291/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động Bưu chính.
5	Cấp văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính (BTT-TNI-284216)	Bưu chính	05 ngày	01 ngày	04 ngày		- Luật Bưu chính số 49/2010/QH12 ngày 17/6/2010; - Nghị định số 47/2011/NĐ-CP ngày 17/6/2011 hướng dẫn một số nội dung của Luật Bưu chính; - Thông tư 291/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động Bưu chính.
6	Cấp lại văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được (BTT-TNI-284217)	Bưu chính	05 ngày	01 ngày	04 ngày		- Luật Bưu chính số 49/2010/QH12 ngày 17/6/2010; - Nghị định số 47/2011/NĐ-CP ngày 17/6/2011 hướng dẫn một số nội dung của Luật Bưu chính; - Thông tư 291/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động Bưu chính.
7	Cấp đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh (BTT-TNI-284339)	Phát thanh truyền hình và Thông	07 ngày	01 ngày	06 ngày		- Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình; - Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy

STT	Tên thủ tục hành chính Mã số	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Thời gian giải quyết tại Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND tỉnh (bao gồm cả thời gian tiếp nhận và trả kết quả của Trung tâm hành chính công)	Thời gian giải quyết tại Sở Thông tin và Truyền thông	Thời gian giải quyết tại các cơ quan, đơn vị có liên quan	Căn cứ pháp lý
		tin điện tử					Chứng nhận, Giấy phép, Báo cáo nghiệp vụ và chế độ báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình.
8	Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh (BTT-TNI-284340)	Phát thanh truyền hình và Thông tin điện tử	04 ngày	01 ngày	03 ngày		- Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình; - Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy Chứng nhận, Giấy phép, Báo cáo nghiệp vụ và chế độ báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình.
9	Cấp giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp (BTT-TNI-264736)	Phát thanh truyền hình và Thông tin điện tử	07 ngày	01 ngày	06 ngày		- Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng; - Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01/3/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng. - Thông tư số 09/2014/TT-BTTTT ngày 19 tháng 8 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định chi tiết về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng thông tin trên mạng thông tin điện tử và mạng xã hội.

STT	Tên thủ tục hành chính Mã số	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Thời gian giải quyết tại Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND tỉnh (bao gồm cả thời gian tiếp nhận và trả kết quả của Trung tâm hành chính công)	Thời gian giải quyết tại Sở Thông tin và Truyền thông	Thời gian giải quyết tại các cơ quan, đơn vị có liên quan	Căn cứ pháp lý
10	Sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp (BTT-TNI-264740)	Phát thanh truyền hình và Thông tin điện tử	05 ngày	01 ngày	04 ngày		- Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng; - Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01/3/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng. - Thông tư số 09/2014/TT-BTTTT ngày 19 tháng 8 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định chi tiết về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng thông tin trên mạng thông tin điện tử và mạng xã hội.
11	Gia hạn giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp (BTT-TNI-264741)	Phát thanh truyền hình và Thông tin điện tử	05 ngày	01 ngày	04 ngày		- Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng; - Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01/3/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng. - Thông tư số 09/2014/TT-BTTTT ngày 19 tháng 8 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định chi tiết về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng thông tin trên mạng thông tin điện tử và mạng xã hội.
12	Cấp lại giấy phép thiết lập trang thông tin điện	Phát thanh	05 ngày	01 ngày	04 ngày		- Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và

STT	Tên thủ tục hành chính Mã số	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Thời gian giải quyết tại Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND tỉnh (bao gồm cả thời gian tiếp nhận và trả kết quả của Trung tâm hành chính công)	Thời gian giải quyết tại Sở Thông tin và Truyền thông	Thời gian giải quyết tại các cơ quan, đơn vị có liên quan	Căn cứ pháp lý
	tử tổng hợp (BTT-TNI-264743)	truyền hình và Thông tin điện tử					thông tin trên mạng; - Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01/3/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng. - Thông tư số 09/2014/TT-BTTTT ngày 19 tháng 8 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định chi tiết về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng thông tin trên mạng thông tin điện tử và mạng xã hội.
13	Thông báo thay đổi chủ sở hữa, địa chỉ trụ sở chính của tổ chức, doanh nghiệp đã được cấp Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp (BTT-TNI-284333)	Phát thanh truyền hình và Thông tin điện tử	03 ngày	0.5 ngày	2.5 ngày		- Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng; - Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01/3/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng. - Thông tư số 09/2014/TT-BTTTT ngày 19 tháng 8 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định chi tiết về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng thông tin trên mạng thông tin điện tử và mạng xã hội.
14	Thông báo thay đổi địa chỉ trụ sở chính, văn phòng giao dịch, địa chỉ đặt hoặc cho thuê máy	Phát thanh truyền hình	05 ngày	01 ngày	04 ngày		- Nghị định 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ về việc quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng; - Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01/3/2018 của Chính

STT	Tên thủ tục hành chính Mã số	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Thời gian giải quyết tại Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND tỉnh (bao gồm cả thời gian tiếp nhận và trả kết quả của Trung tâm hành chính công)	Thời gian giải quyết tại Sở Thông tin và Truyền thông	Thời gian giải quyết tại các cơ quan, đơn vị có liên quan	Căn cứ pháp lý
	chủ của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng (BTT-TNI-279973)	và Thông tin điện tử					phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.
15	Thông báo thay đổi cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp cung cấp trò chơi điện tử G1 trên mạng do chia tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi công ty theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp; thay đổi phần vốn góp dẫn đến thay đổi thành viên góp vốn (hoặc cổ đông) có phần vốn góp từ 30% vốn điều lệ trở lên (BTT-TNI-279974)	Phát thanh truyền hình và Thông tin điện tử	05 ngày	01 ngày	04 ngày		- Nghị định 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ về việc quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng; - Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01/3/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.
16	Thông báo thay đổi phương thức, phạm vi cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng đã được phê duyệt (BTT-TNI-284280)	Phát thanh truyền hình và Thông tin	05 ngày	01 ngày	04 ngày		- Nghị định 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ về việc quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng; - Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01/3/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên

STT	Tên thủ tục hành chính Mã số	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Thời gian giải quyết tại Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND tỉnh (bao gồm cả thời gian tiếp nhận và trả kết quả của Trung tâm hành chính công)	Thời gian giải quyết tại Sở Thông tin và Truyền thông	Thời gian giải quyết tại các cơ quan, đơn vị có liên quan	Căn cứ pháp lý
		điện tử					mạng.
17	Thông báo thay đổi tên miền khi cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên trang thông tin điện tử (trên Internet), kênh phân phối trò chơi (trên mạng viễn thông di động); thể loại trò chơi (G2, G3, G4); thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng (BTT-TNI-279988)	Phát thanh truyền hình và Thông tin điện tử	05 ngày	01 ngày	04 ngày		- Nghị định 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ về việc quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng; - Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01/3/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.
18	Thông báo thay đổi cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng do chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi công ty theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp; thay đổi phần vốn góp dẫn đến	Phát thanh truyền hình và Thông tin điện tử	05 ngày	01 ngày	04 ngày		- Nghị định 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ về việc quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng; - Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01/3/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.

STT	Tên thủ tục hành chính Mã số	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Thời gian giải quyết tại Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND tỉnh (bao gồm cả thời gian tiếp nhận và trả kết quả của Trung tâm hành chính công)	Thời gian giải quyết tại Sở Thông tin và Truyền thông	Thời gian giải quyết tại các cơ quan, đơn vị có liên quan	Căn cứ pháp lý
	thay đổi thành viên góp vốn (hoặc cổ đông) có phần vốn góp từ 30% vốn điều lệ trở lên (BTT-TNI-284281)						
19	Trưng bày tranh, ảnh và các hình thức thông tin khác bên ngoài trụ sở cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài (BTT-TNI-284205)	Báo chí	05 ngày	01 ngày	04 ngày		- Luật Báo chí số 103/2016/QH13 ngày 05 tháng 4 năm 2016; - Nghị định số 88/2012/NĐ-CP ngày 23/10/2012 của Chính phủ về hoạt động thông tin, báo chí của báo chí nước ngoài, cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam; - Thông tư số 04/2014/TT-BTTTT ngày 19/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số Điều của Nghị định số 88/2012/ NĐ-CP ngày 23/10/2012 của Chính phủ về hoạt động thông tin, báo chí của báo chí nước ngoài, cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam.
20	Cấp giấy phép xuất bản bản tin (trong nước) (BTT-TNI-284348)	Báo chí	04 ngày	01 ngày	03 ngày		- Luật Báo chí số 103/2016/QH13 ngày 05 tháng 4 năm 2016; - Thông tư Số 48/2016/TT-BTTTT ngày 26/12/2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn việc cấp giấy phép hoạt động báo in và báo điện tử, xuất bản thêm ấn phẩm, mở chuyên trang của báo điện tử, xuất bản phụ trương, xuất bản bản tin, xuất bản đặc san
21	Thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản bản tin (trong nước) (BTT-TNI-284349)	Báo chí	04 ngày	01 ngày	03 ngày		- Luật Báo chí số 103/2016/QH13 ngày 05 tháng 4 năm 2016; - Thông tư Số 48/2016/TT-BTTTT ngày 26/12/2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn việc cấp giấy phép hoạt động báo in và báo điện tử, xuất bản

STT	Tên thủ tục hành chính Mã số	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Thời gian giải quyết tại Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND tỉnh (bao gồm cả thời gian tiếp nhận và trả kết quả của Trung tâm hành chính công)	Thời gian giải quyết tại Sở Thông tin và Truyền thông	Thời gian giải quyết tại các cơ quan, đơn vị có liên quan	Căn cứ pháp lý
							thêm ấn phẩm, mở chuyên trang của báo điện tử, xuất bản phụ trương, xuất bản bản tin, xuất bản đặc san
22	Cho phép họp báo (trong nước) (BTT-TNI-260088)	Báo chí	8 giờ	01 giờ	07 giờ		-Luật Báo chí số 103/2016/QH13 ngày 05 tháng 4 năm 2016; - Nghị định số 88/2012/NĐ-CP ngày 23/10/2012 của Chính phủ về hoạt động thông tin, báo chí của báo chí nước ngoài, cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam; - Thông tư số 04/2014/TT-BTTTT ngày 19/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số Điều của Nghị định số 88/2012/ NĐ-CP ngày 23/10/2012 của Chính phủ về hoạt động thông tin, báo chí của báo chí nước ngoài, cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam.
23	Cho phép họp báo (nước ngoài) (BTT-TNI-260065)	Báo chí	8 giờ	01 giờ	07 giờ		-Luật Báo chí số 103/2016/QH13 ngày 05 tháng 4 năm 2016; - Nghị định số 88/2012/NĐ-CP ngày 23/10/2012 của Chính phủ về hoạt động thông tin, báo chí của báo chí nước ngoài, cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam; - Thông tư số 04/2014/TT-BTTTT ngày 19/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số Điều của Nghị định số 88/2012/ NĐ-CP ngày 23/10/2012 của Chính phủ về hoạt động thông tin, báo chí của báo chí nước ngoài, cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam.
24	Cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh	Lĩnh vực	04 ngày	01 ngày	03 ngày		- Luật Xuất Bản số 19/2012/QH13 của Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 13 thông qua ngày

STT	Tên thủ tục hành chính Mã số	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Thời gian giải quyết tại Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND tỉnh (bao gồm cả thời gian tiếp nhận và trả kết quả của Trung tâm hành chính công)	Thời gian giải quyết tại Sở Thông tin và Truyền thông	Thời gian giải quyết tại các cơ quan, đơn vị có liên quan	Căn cứ pháp lý
	(BTT-TNI-284206)	Xuất bản, In và Phát hành					20/11/2012 ban hành; - Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất Bản; - Thông tư số 23/2014/TT-BTTTT ngày 29/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất Bản. - Thông tư số 214/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí thẩm định nội dung tài liệu không kinh doanh để cấp giấy phép xuất bản, lệ phí cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh và lệ phí đăng ký nhập khẩu xuất bản phẩm để kinh doanh.
25	Cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm (BTT-TNI-284209)	Lĩnh vực Xuất bản, In và Phát hành	07 ngày	01 ngày	06 ngày		- Luật Xuất Bản số 19/2012/QH13 của Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 13 thông qua ngày 20/11/2012 ban hành; - Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất Bản; - Thông tư số 23/2014/TT-BTTTT ngày 29/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của

STT	Tên thủ tục hành chính Mã số	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Thời gian giải quyết tại Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND tỉnh (bao gồm cả thời gian tiếp nhận và trả kết quả của Trung tâm hành chính công)	Thời gian giải quyết tại Sở Thông tin và Truyền thông	Thời gian giải quyết tại các cơ quan, đơn vị có liên quan	Căn cứ pháp lý
							Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất Bản.
26	Cấp lại giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm (BTT-TNI-284209)	Lĩnh vực Xuất bản, In và Phát hành	04 ngày	01 ngày	03 ngày		- Luật Xuất Bản số 19/2012/QH13 của Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 13 thông qua ngày 20/11/2012 ban hành; - Thông tư số 23/2014/TT-BTTTT ngày 29/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất Bản.
27	Cấp đổi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm (BTT-TNI-284210)	Lĩnh vực Xuất bản, In và Phát hành	04 ngày	01 ngày	03 ngày		- Luật Xuất Bản số 19/2012/QH13 của Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 13 thông qua ngày 20/11/2012 ban hành; - Thông tư số 23/2014/TT-BTTTT ngày 29/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất Bản.
28	Cấp giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài (BTT-TNI-284211)	Lĩnh vực Xuất bản, In và Phát	05 ngày	01 ngày	04 ngày		- Luật Xuất Bản số 19/2012/QH13 của Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 13 thông qua ngày 20/11/2012 ban hành; - Thông tư số 23/2014/TT-BTTTT ngày 29/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản và Nghị

STT	Tên thủ tục hành chính Mã số	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Thời gian giải quyết tại Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND tỉnh (bao gồm cả thời gian tiếp nhận và trả kết quả của Trung tâm hành chính công)	Thời gian giải quyết tại Sở Thông tin và Truyền thông	Thời gian giải quyết tại các cơ quan, đơn vị có liên quan	Căn cứ pháp lý
		hành					định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất Bản.
29	Cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh (BTT-TNI-284269)	Lĩnh vực Xuất bản, In và Phát hành	05 ngày	01 ngày	04 ngày		- Luật Xuất Bản số 19/2012/QH13 của Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 13 thông qua ngày 20/11/2012 ban hành; - Thông tư số 23/2014/TT-BTTTT ngày 29/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất Bản. - Thông tư số 214/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí thẩm định nội dung tài liệu không kinh doanh để cấp giấy phép xuất bản, lệ phí cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh và lệ phí đăng ký nhập khẩu xuất bản phẩm để kinh doanh.
30	Cấp giấy phép tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm (BTT-TNI-173576)	Lĩnh vực Xuất bản, In và Phát hành	05 ngày	01 ngày	04 ngày		- Luật Xuất Bản số 19/2012/QH13 của Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 13 thông qua ngày 20/11/2012 ban hành; - Thông tư số 23/2014/TT-BTTTT ngày 29/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành

STT	Tên thủ tục hành chính Mã số	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Thời gian giải quyết tại Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND tỉnh (bao gồm cả thời gian tiếp nhận và trả kết quả của Trung tâm hành chính công)	Thời gian giải quyết tại Sở Thông tin và Truyền thông	Thời gian giải quyết tại các cơ quan, đơn vị có liên quan	Căn cứ pháp lý
							Luật Xuất Bản.
31	Đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm (BTT-TNI-284270)	Lĩnh vực Xuất bản, In và Phát hành	05 ngày	01 ngày	04 ngày		- Luật Xuất Bản số 19/2012/QH13 của Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 13 thông qua ngày 20/11/2012 ban hành; - Thông tư số 23/2014/TT-BTTTT ngày 29/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất Bản.
32	Cấp giấy phép hoạt động in (BTT-TNI-282360)	Lĩnh vực Xuất bản, In và Phát hành	07 ngày	01 ngày	06 ngày		- Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in; - Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28/02/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in. - Thông tư số 03/2015/TT-BTTTT ngày 06/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều, khoản của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in.
33	Cấp lại giấy phép hoạt động in (BTT-TNI-282363)	Lĩnh vực Xuất bản, In và	04 ngày	01 ngày	03 ngày		- Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in; - Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28/02/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về

STT	Tên thủ tục hành chính Mã số	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Thời gian giải quyết tại Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND tỉnh (bao gồm cả thời gian tiếp nhận và trả kết quả của Trung tâm hành chính công)	Thời gian giải quyết tại Sở Thông tin và Truyền thông	Thời gian giải quyết tại các cơ quan, đơn vị có liên quan	Căn cứ pháp lý
		Phát hành					hoạt động in. - Thông tư số 03/2015/TT-BTTTT ngày 06/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều, khoản của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in.
34	Đăng ký hoạt động cơ sở in (BTT-TNI-282365)	Lĩnh vực Xuất bản, In và Phát hành	03 ngày	0,5 ngày	2,5 ngày		- Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in; - Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28/02/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in. - Thông tư số 03/2015/TT-BTTTT ngày 06/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều, khoản của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in.
35	Thay đổi thông tin đăng ký hoạt động cơ sở in (BTT-TNI-282374)	Lĩnh vực Xuất bản, In và Phát hành	03 ngày	0,5 ngày	2,5 ngày		- Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in; - Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28/02/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in. - Thông tư số 03/2015/TT-BTTTT ngày 06/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều, khoản của Nghị định số

STT	Tên thủ tục hành chính Mã số	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Thời gian giải quyết tại Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND tỉnh (bao gồm cả thời gian tiếp nhận và trả kết quả của Trung tâm hành chính công)	Thời gian giải quyết tại Sở Thông tin và Truyền thông	Thời gian giải quyết tại các cơ quan, đơn vị có liên quan	Căn cứ pháp lý
							60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in.
36	Đăng ký sử dụng máy photocopy màu, máy in có chức năng photocopy màu (BTT-TNI-282380)	Lĩnh vực Xuất bản, In và Phát hành	03 ngày	0,5 ngày	2,5 ngày		- Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in; - Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28/02/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in. - Thông tư số 03/2015/TT-BTTTT ngày 06/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều, khoản của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in.
37	Chuyển nhượng máy photocopy màu, máy in có chức năng photocopy màu (BTT-TNI-282385)	Lĩnh vực Xuất bản, In và Phát hành	03 ngày	0,5 ngày	2,5 ngày		- Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in; - Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28/02/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in. - Thông tư số 03/2015/TT-BTTTT ngày 06/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều, khoản của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in.